

Số: 102 /CV-VASEP

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 07 năm 2026

V/v góp ý Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số
điều của 10 luật trong lĩnh vực NNMT

Kính gửi: Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội

Phúc đáp Công văn số 295/UBKHCMNT16 ngày 26/6/2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội về việc đề nghị góp ý hoàn thiện Dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 Luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (sau đây gọi tắt là Dự thảo Luật), trên cơ sở tổng hợp thực tiễn hoạt động của cộng đồng doanh nghiệp chế biến và xuất khẩu thủy sản, Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (**VASEP**) xin trân trọng báo cáo và đóng góp một số ý kiến như sau:

A. NHẬN XÉT CHUNG

Hiệp hội VASEP thống nhất với mục tiêu, định hướng của Dự thảo Luật nêu tại Tờ trình Dự thảo Luật trong việc tiếp tục rà soát, cắt giảm và đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, qua đó góp phần tạo lập môi trường kinh doanh lành mạnh, công bằng, thúc đẩy đổi mới, sáng tạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và tạo chuyển biến mạnh mẽ trong quản trị hành chính.

VASEP đánh giá cao sự quan tâm và nỗ lực của Quốc hội, Chính phủ và Bộ Nông nghiệp và Môi trường trong việc thúc đẩy cải cách thể chế, giảm chi phí tuân thủ và tạo điều kiện thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp. Đây là định hướng có ý nghĩa thiết thực đối với ngành thủy sản - một ngành có chuỗi sản xuất, cung ứng và xuất khẩu dài, liên quan đến nhiều chủ thể từ khai thác, nuôi trồng, nhập khẩu nguyên liệu, thu mua, chế biến đến xuất khẩu, nhất là trong bối cảnh các doanh nghiệp thủy sản phải đáp ứng các yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế về an toàn thực phẩm, kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và chống khai thác IUU.

Qua nghiên cứu Dự thảo Luật, VASEP nhận thấy các nội dung sửa đổi lần này tại Dự thảo Luật đã thể hiện tinh thần cải cách, nhất là việc cắt giảm một số thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh và điều chỉnh thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, từ thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu thủy sản, vẫn còn một số vấn đề phát sinh hoặc cơ sở pháp lý liên quan đến Luật Thủy sản và Luật Thú y cần được tiếp tục xem xét, sửa đổi, bổ sung ngay trong lần sửa đổi này. Với tinh thần cầu thị, đồng hành và đóng góp xây dựng, VASEP kính đề nghị Quý Ủy ban xem xét một số ý kiến dưới đây nhằm góp phần hoàn thiện Dự thảo Luật, bảo đảm các mục tiêu cải cách được triển khai đồng bộ và hiệu quả hơn, cụ thể như sau:

B. GÓP Ý CỤ THỂ

I. CÁC ĐIỂM NGHẼN THỰC TIỄN DO CÁC KHUNG PHÁP LÝ CHƯA PHÙ HỢP:

1. Đề nghị bổ sung quy định về chuyển mục đích sử dụng cho sản phẩm nhập khẩu để chế biến XK, gia công XK sang tiêu dùng nội địa hoặc ngược lại (*Góp ý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thú y*)

1.1. Điều khoản liên quan: Điều 7 Dự thảo Luật; Điều 58 Luật Thú y.

1.2. Vướng mắc:

Theo quy định hiện hành, các sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu làm nguyên liệu để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu thuộc trường hợp được miễn kiểm dịch nhập khẩu. Tuy nhiên, trong thực tế, do biến động đơn hàng, thị trường, giá bán hoặc yêu cầu của khách hàng, doanh nghiệp có thể phát sinh nhu cầu chuyển mục đích sử dụng của nguyên liệu thủy sản nhập khẩu để sản xuất xuất khẩu, gia công xuất khẩu sang tiêu thụ nội địa hoặc ngược lại.

Quy định về chuyển mục đích sử dụng đã có trong Nghị định của Chính phủ tại lĩnh vực hải quan cho phép DN chuyển loại hình đối với hàng nhập khẩu: theo **Nghị định 59/2018/NĐ-CP** ngày 20/4/2018 (khoản 12 Điều 1) và Thông tư **39/2018/TT-BTC** ngày 20/4/2018 (Khoản 10 Điều 1) về thủ tục hải quan và kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan, các hàng hóa NK không chịu thuế vẫn được phép chuyển mục đích sử dụng, miễn là người khai hải quan phải khai lại tờ khai hải quan mới và phải tuân thủ đúng chính sách quản lý hàng hóa XNK, chính sách thuế đối với hàng hóa đó theo loại hình NK mới.

Vướng mắc hiện nay là các văn bản pháp luật chuyên ngành thú y chưa có quy định rõ về nội dung, trình tự, thủ tục kiểm dịch đối với lô hàng thủy sản nhập khẩu khi thay đổi mục đích sử dụng sau nhập khẩu. Vì vậy, đang thiếu một cơ chế pháp lý kết nối giữa trường hợp được miễn kiểm dịch theo mục đích nhập khẩu ban đầu với yêu cầu kiểm dịch tương ứng khi hàng hóa được chuyển sang mục đích sử dụng mới.

Quy định về chuyển mục đích sử dụng là một hành lang pháp lý cần thiết phục vụ cho Quản lý Nhà nước cũng như thực tiễn của cuộc sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Việc chuyển sang loại hình nào, thì doanh nghiệp cần phải thực hiện đầy đủ quy trình khai báo, chịu kiểm tra theo quy định hiện hành của loại hình đó. Khi đó, cơ quan có thẩm quyền có đủ công cụ kiểm soát để đảm bảo các lô hàng thực phẩm được chuyển loại hình nhập khẩu không gây mất ATTP và vẫn đảm bảo ngăn ngừa dịch bệnh.

Thực tế thiếu khung chính sách cho chuyển đổi mục đích sử dụng đối với nguyên liệu thủy sản NK đang dẫn đến tình trạng doanh nghiệp không có cơ sở để thực hiện kiểm dịch bổ sung dù sẵn sàng tuân thủ đầy đủ các yêu cầu Quản lý Nhà nước; nguyên liệu phải tiếp tục lưu kho, chờ đơn hàng phù hợp, thậm chí có thể phải tái xuất hoặc xử lý theo phương án khác, làm gia tăng chi phí và lãng phí nguồn lực.

1.3. Đề xuất

Đề nghị Cơ quan Soạn thảo bổ sung tại phần sửa đổi, bổ sung Luật Thú y một nội dung sửa đổi, bổ sung thêm vào khoản 3 Điều 53 ***“Quy định chung về kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản”*** theo hướng:

- Cho phép động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu được thay đổi mục đích sử dụng sau nhập khẩu từ chế biến xuất khẩu, gia công xuất khẩu sang tiêu thụ nội địa và ngược lại. Việc kiểm dịch đối với động vật, sản phẩm động vật thủy sản nhập khẩu

thay đổi mục đích sử dụng được thực hiện phù hợp với mục đích sử dụng mới, tình trạng kiểm dịch của lô hàng tại thời điểm nhập khẩu và trên cơ sở quản lý rủi ro, bảo đảm yêu cầu phòng, chống dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc và điều kiện bảo quản.

- Giao cho Chính phủ quy định cụ thể hồ sơ, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, bảo đảm doanh nghiệp thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ quản lý tương ứng với mục đích sử dụng mới.

2. Đề nghị sửa đổi khung pháp lý về phân vùng khai thác thủy sản phù hợp với thực tiễn nghề cá (Góp ý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản)

2.1. Điều khoản liên quan: Điều 9 Dự thảo Luật; Điều 48 Luật Thủy sản.

2.2. Vương mắc thực tiễn:

Khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản hiện giao Chính phủ quy định vùng biên khai thác thủy sản gồm vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi, cũng như hoạt động của tàu cá trên các vùng biển.

Qua thực tiễn triển khai, quy định phân vùng khai thác đang phát sinh bất cập đối với một số nhóm tàu và nghề khai thác. Cụ thể, có nhóm tàu có chiều dài từ 15 m trở lên nhưng tải trọng nhỏ, công suất và khả năng vươn khơi hạn chế, trong khi một số nghề khai thác truyền thống, đối tượng khai thác và ngư trường phù hợp lại nằm ở vùng lộng. Bên cạnh đó, việc xác định căn cứ để định vị, phân vùng giữa vùng lộng và vùng khơi tại một số vùng biển (ví dụ như vùng biển quanh đảo Phú Quý,...) còn chưa phù hợp, dẫn đến tàu có chiều dài từ 15 m trở lên không được phép khai thác tại vùng biển đó trong khi nguồn lợi thủy sản, điều kiện địa lý hoàn toàn phù hợp với việc khai thác vùng khơi.

Việc áp dụng tiêu chí phân vùng thiếu cơ chế linh hoạt phù hợp với năng lực thực tế của tàu, đặc thù nghề khai thác, xác định căn cứ để định vị, phân vùng có thể làm giảm hiệu quả khai thác, tăng chi phí chuyển biển, ảnh hưởng đến sinh kế hợp pháp của ngư dân. Đồng thời, vấn đề này cũng ảnh hưởng đến nguồn cung nguyên liệu khai thác hợp pháp cho chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu, cũng như công tác truy xuất nguồn gốc và chứng nhận nguyên liệu theo yêu cầu chống khai thác IUU.

2.3. Đề xuất

Đề nghị Cơ quan Soạn thảo nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nguyên tắc về phân vùng khai thác thủy sản thêm vào khoản 1 Điều 48 Luật Thủy sản **“*Quản lý vùng khai thác thủy sản*”** như sau:

“1. Chính phủ quy định vùng biển khai thác thủy sản bao gồm vùng ven bờ, vùng lộng và vùng khơi; hoạt động của tàu cá trên các vùng biển. Việc quy định hoạt động của tàu cá trên các vùng biển phải phù hợp với yêu cầu bảo vệ, tái tạo và phát triển nguồn lợi thủy sản, điều kiện đáp ứng yêu cầu về phòng, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU); đồng thời phù hợp với đặc điểm nghề khai thác, đối tượng khai thác, ngư trường, chiều dài lớn nhất, công suất, tải trọng và khả năng hoạt động thực tế của tàu cá.”

Chính phủ quy định cơ chế phù hợp đối với một số nghề khai thác đặc thù và trường hợp đặc thù của tàu cá trên cơ sở bảo đảm quản lý nguồn lợi thủy sản và phòng chống khai thác IUU.”

VASEP nhận thức đầy đủ và ủng hộ yêu cầu tăng cường quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản và phòng, chống khai thác IUU. Kiến nghị trên không nhằm nói lòng yêu cầu quản lý hoặc tạo ngoại lệ chung cho tàu cá từ 15 m trở lên, mà nhằm bổ sung cơ sở để Chính phủ có thể thiết kế cơ chế phù hợp, có điều kiện, đối với một số trường hợp đặc thù trên cơ sở xem xét đồng thời nhiều yếu tố thực tế.

Cách tiếp cận này sẽ góp phần bảo đảm hài hòa giữa yêu cầu quản lý nguồn lợi, chống khai thác IUU với thực tiễn nghề cá Việt Nam; duy trì sinh kế khai thác hợp pháp và nguồn nguyên liệu hợp pháp phục vụ chế biến, xuất khẩu.

3. Đề nghị bổ sung nguyên tắc về số hóa, liên thông và chia sẻ dữ liệu (*Góp ý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản*)

3.1. Điều khoản liên quan: Điều 9 Dự thảo Luật; Điều 61 Luật Thủy sản.

3.2. Vương mắc:

- Dự thảo Luật đã phân quyền một số thủ tục cho cấp tỉnh nhưng chưa quy định nguyên tắc số hóa, liên thông dữ liệu xuyên suốt từ khâu khai thác, nuôi trồng thủy sản đến chế biến, xuất khẩu, đơn giản hóa hồ sơ và quản lý rủi ro một cách thống nhất. Điều này có thể dẫn đến cách hiểu và thực hiện khác nhau giữa địa phương và trung ương. Việc số hóa và liên thông hệ thống dữ liệu xuyên suốt trong toàn bộ chuỗi cung ứng cũng giúp doanh nghiệp đáp ứng được các yêu cầu chống IUU của EU, Nhật Bản và Mỹ (chương trình SIMP), giảm thiểu rủi ro sai lệch hồ sơ thủ công cho doanh nghiệp ở mắt xích cuối chuỗi.
- Nhiều bất cập nảy sinh tại các địa phương hiện nay đang tập trung ở: biểu mẫu phức tạp, thủ tục chưa được số hóa đồng bộ, hồ sơ chưa được đơn giản hóa, và cách hiểu, cách thực hiện giữa các địa phương chưa thống nhất. Bên cạnh đó, Dự thảo Luật chưa quy định rõ trách nhiệm số hóa dữ liệu tại cảng cá và cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp chế biến tiếp cận thông tin dữ liệu về tàu cá, nguyên liệu thủy sản tại cảng cá.

Mặc dù đây là vấn đề thuộc các Nghị định và thông tư hướng dẫn, nhưng việc bổ sung các nguyên tắc này vào Dự thảo Luật là cần thiết để luật hóa các nguyên tắc cơ bản về đơn giản hóa thủ tục, số hóa quy trình và thống nhất cách thực hiện trên toàn quốc, tạo cơ sở pháp lý cho việc sửa đổi các Nghị định, thông tư hướng dẫn chi tiết sau này.

3.3. Đề xuất:

Đề nghị Cơ quan Soạn thảo bổ sung vào Điều 61 Luật Thủy sản “**Xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác**” các nguyên tắc sau:

- Quy định việc cấp các giấy chứng nhận xuất khẩu (C/S, C/C, P/S, CoA và các giấy tờ tương đương) phải được thực hiện trên nền tảng số hóa, cho phép doanh nghiệp được phép kê khai trực tuyến, giảm tối đa thành phần hồ sơ giấy.

- Giao cho Chính phủ xây dựng hệ thống dữ liệu xuyên suốt chuỗi cung ứng, quy định cơ chế liên thông, chia sẻ, sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan trung ương, địa phương, cảng cá và tổ chức, cá nhân liên quan trong chuỗi cung ứng; bảo đảm nguyên tắc “*Một lần khai báo - Nhiều lần sử dụng*”, phù hợp với nguyên tắc quản lý rủi ro, yêu cầu phòng chống khai thác IUU và quy định của thị trường nhập khẩu.

4. Đề nghị bổ sung nguyên tắc quản lý truy xuất nguồn gốc phù hợp với nghề cá quy mô nhỏ và đặc thù nghề khai thác

4.1. Điều khoản liên quan: Điều 9 Dự thảo Luật; Điều 61 Luật Thủy sản

4.2. Vướng mắc:

Nghề cá Việt Nam có đặc thù là số lượng lớn tàu cá nhỏ, chuyển biển ngắn, sản lượng phân tán, nhiều điểm lên cá và chuỗi thu mua qua nhiều khâu trung gian. Một số nghề, đối tượng khai thác quy mô nhỏ như ruốc biển, ghe và các nghề truyền thống có phương thức khai thác, thu gom, tập kết nguyên liệu đặc thù riêng, khác biệt so với mô hình tàu cá lớn.

Nếu quy định về ghi chép, báo cáo, xác nhận, chứng nhận và truy xuất nguồn gốc được thiết kế theo một khung chung, áp dụng chung cho mọi loại hình khai thác, có thể tạo gánh nặng thủ tục không cần thiết, đồng thời làm cho một bộ phận nguyên liệu khai thác hợp pháp (như ruốc biển, ...) khó tham gia chuỗi cung ứng chính thức phục vụ chế biến và xuất khẩu, ảnh hưởng sinh kế ngư dân và làm đứt gãy nguồn nguyên liệu hợp pháp cho chế biến, xuất khẩu.

Luật Thủy sản cần bổ sung nguyên tắc áp dụng cơ chế thủ tục rút gọn, đơn giản hóa cho nhóm tàu cá quy mô nhỏ, có phương thức khai thác phân tán (như khai thác ruốc, ghe...) để phù hợp với thực tiễn, tránh áp đặt gánh nặng thủ tục của tàu cá lớn lên ngư dân nhỏ lẻ mà vẫn đảm bảo tính minh bạch.

4.2. Đề xuất:

Đề nghị Cơ quan Soạn thảo bổ sung vào Điều 61 Luật Thủy sản “***Xác nhận, chứng nhận nguồn gốc thủy sản từ khai thác***” nguyên tắc sau: “*Đối với nghề cá quy mô nhỏ, tàu cá nhỏ hoặc nghề khai thác truyền thống cho phép áp dụng cơ chế thủ tục đơn giản hóa phù hợp với thực tiễn sản xuất, thu mua, tập kết nguyên liệu, giao cho Chính phủ quy định cơ chế đơn giản hóa phù hợp đối với nghề cá quy mô nhỏ và một số nghề khai thác đặc thù.*”

II. KIẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH CHIẾN LƯỢC

1. Đề nghị bổ sung cơ chế chính sách phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản cho chế biến và xuất khẩu (Góp ý đối với nội dung sửa đổi, bổ sung Luật Thủy sản)

1.1. Điều khoản liên quan: Điều 9 Dự thảo Luật; Điều 6 Luật Thủy sản

1.2. Vướng mắc:

Nguồn nguyên liệu ổn định, hợp pháp, bảo đảm chất lượng và có khả năng truy xuất nguồn gốc là điều kiện nền tảng cho sự phát triển bền vững của ngành chế biến, xuất khẩu thủy sản.

Thực tế, nguồn nguyên liệu phục vụ chế biến được hình thành từ nhiều cấu phần, gồm nuôi trồng trong nước, khai thác trong nước và nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Tuy nhiên, Dự

thảo hiện chưa bổ sung chính sách tổng thể về ổn định và phát triển nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu, bao gồm nguồn nguyên liệu từ nuôi trồng, khai thác trong nước và nguyên liệu thủy sản nhập khẩu hợp pháp. Các chính sách hiện hành đang nằm rải rác ở nhiều văn bản pháp lý, còn phân tán theo từng khâu và chưa đầy đủ theo một định hướng tổng thể về phát triển nguồn nguyên liệu gắn với nhu cầu của công nghiệp chế biến, thị trường xuất khẩu và liên kết chuỗi.

1.3. Đề xuất:

Đề nghị Cơ quan Soạn thảo nghiên cứu bổ sung tại Điều 6 Luật Thủy sản “**Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản**” các nguyên tắc sau:

- Có chính sách phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản hợp pháp, ổn định, bảo đảm chất lượng và có khả năng truy xuất nguồn gốc phục vụ chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu; phát triển vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, hạ tầng phục vụ nuôi trồng và khai thác thủy sản; hỗ trợ nghiên cứu, chọn tạo, sản xuất giống thủy sản chất lượng cao, kiểm soát dịch bệnh, giảm tổn thất sau thu hoạch và chi phí sản xuất; thúc đẩy liên kết chuỗi giữa sản xuất giống, nuôi trồng, khai thác, cung ứng nguyên liệu, chế biến và thị trường.
- Giao cho Chính phủ quy định chi tiết chính sách, chương trình phát triển nguồn nguyên liệu thủy sản phục vụ chế biến và xuất khẩu phù hợp với chiến lược phát triển ngành thủy sản và yêu cầu của thị trường.

Hiệp hội VASEP kính đề nghị Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội quan tâm, xem xét các đề xuất, góp ý và kiến nghị từ cộng đồng DN để sửa đổi, bổ sung cho Dự thảo nhằm hoàn thiện hơn khung pháp lý, góp phần tháo gỡ những điểm nghẽn thực tiễn của doanh nghiệp, giảm chi phí tuân thủ, nâng cao hiệu quả Quản lý Nhà nước, đồng thời hỗ trợ ngành thủy sản Việt Nam phát triển minh bạch, trách nhiệm, bền vững và đáp ứng tốt hơn yêu cầu của các thị trường nhập khẩu.

Trân trọng cảm ơn và kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ NNMT;
- VCCI;
- BCH & BKT HH;
- VPĐD HH tại Hà Nội;
- Lưu VP HH.

TUQ. CHỦ TỊCH HIỆP HỘI
TỔNG THƯ KÝ

Nguyễn Hoài Nam